

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **68** /NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày **06** tháng 10 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về giao chính thức chỉ tiêu số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập và số lượng người làm cơ sở cấp kinh phí tại các hội năm 2026 của thành phố Đà Nẵng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 6 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 129/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét Tờ trình số 519/TTr-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao chính thức chỉ tiêu số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và số lượng người làm cơ sở cấp kinh phí tại các hội năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 457/BC-BPC ngày 05 tháng 10 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung về giao chính thức chỉ tiêu số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách trong đơn vị sự nghiệp công lập khối chính quyền và số lượng người làm cơ sở cấp kinh phí tại các hội năm 2026 của thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

1. Phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách trong đơn vị sự nghiệp công lập: **43.718** chỉ tiêu. Trong đó: cấp tỉnh **8.136** chỉ tiêu; cấp xã **35.582** chỉ tiêu (đính kèm phụ lục I).

2. Phê duyệt số lượng người làm cơ sở cấp kinh phí tại các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ: **178** chỉ tiêu (đính kèm phụ lục II).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này về phân bổ chỉ tiêu số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố; giao tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập của chính quyền địa phương từng xã, phường, đặc khu; chỉ đạo việc quản lý, sử dụng chỉ tiêu số lượng người làm việc đảm bảo thực hiện theo đúng chủ trương, chính sách của Đảng, quy định của Nhà nước.

b) Kịp thời chỉ đạo tổ chức tuyển dụng viên chức sự nghiệp giáo dục đáp ứng nhân lực phục vụ giảng dạy tại các cơ sở giáo dục công lập sau sắp xếp theo Đề án 06/ĐA-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quản lý đảm bảo nội dung và tiến độ quy định.

c) Xác định số lượng người làm cơ sở cấp kinh phí đối với từng hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trong tổng số lượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031, Kỳ họp thứ 6 (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 06 tháng 10 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBNDTP, Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Ban Tổ chức Trung ương;
- Bộ Nội vụ;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Đoàn ĐBQH, UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành thuộc thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các phường, xã;
- UBND đặc khu Hoàng Sa;
- Báo và PT, TH Đà Nẵng, Chuyên đề CATPĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Cổng TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Dũng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG



Phụ lục I

**SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2026**

(Kèm theo Nghị quyết số **68**/NQ-HĐND ngày **06** tháng 10 năm 2026 của HĐND thành phố)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ tiêu số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách giao chính thức năm 2026
A	CẤP TỈNH	8.136
I	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	5.580
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	5.580
II	Sự nghiệp văn hoá - thể thao	792
1	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	792
III	Sự nghiệp y tế	533
1	Sở Y tế	533
IV	Sự nghiệp khác	1.197
1	Sở Công Thương	34
2	Sở Tư pháp	52
3	Sở Xây dựng	77
4	Sở Nội vụ	66
5	Sở Tài chính	59
6	Sở Khoa học và Công nghệ	139
7	Sở Ngoại vụ	31
8	Văn phòng UBND thành phố	226
9	Sở Nông nghiệp và Môi trường	297
10	Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng	15
11	Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại thành phố Đà Nẵng	13
12	Trường Cao đẳng Đà Nẵng	0
13	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Sông Thanh	28
14	Trường Cao đẳng Y tế thành phố Đà Nẵng	62



15	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng	98		
B	CẤP XÃ	<i>Sự nghiệp giáo dục và đào tạo</i>	<i>Sự nghiệp khác</i>	<i>Sự nghiệp y tế (các Trạm Y tế cấp xã)</i>
Tổng số	35.582	31.544	1.122	2.916
1	Phường Hải Châu	1.304	45	70
2	Phường Hòa Cường	861	48	64
3	Phường Thanh Khê	1.584	39	98
4	Phường An Khê	663	35	42
5	Phường An Hải	694	37	50
6	Phường Sơn Trà	707	34	44
7	Phường Ngũ Hành Sơn	940	70	62
8	Phường Hòa Khánh	1.010	26	52
9	Phường Liên Chiểu	452	22	36
10	Phường Hải Vân	477	25	43
11	Phường Cẩm Lệ	601	25	45
12	Phường Hòa Xuân	693	26	46
13	Phường Tam Kỳ	426	12	27
14	Phường Quảng Phú	251	12	26
15	Phường Bàn Thạch	392	11	26
16	Phường Hương Trà	269	11	27
17	Phường Điện Bàn	405	8	32
18	Phường Điện Bàn Đông	723	8	52
19	Phường An Thắng	330	8	27
20	Phường Điện Bàn Bắc	310	8	25
21	Phường Hội An	458	6	35
22	Phường Hội An Đông	245	5	29
23	Phường Hội An Tây	342	6	35
24	Xã Hòa Vang	329	17	30
25	Xã Hòa Tiến	440	18	35
26	Xã Bà Nà	287	17	28
27	Xã Núi Thành	645	8	60

28	Xã Tam Mỹ	225	5	24
29	Xã Tam Anh	294	5	29
30	Xã Đức Phú	136	5	15
31	Xã Tam Xuân	380	5	33
32	Xã Tam Hải	78	5	15
33	Xã Tây Hồ	340	11	31
34	Xã Chiên Đàn	327	11	29
35	Xã Phú Ninh	236	11	29
36	Xã Lãnh Ngọc	215	9	25
37	Xã Tiên Phước	347	10	33
38	Xã Thạnh Bình	290	11	33
39	Xã Sơn Cẩm Hà	236	9	26
40	Xã Trà Liên	148	7	23
41	Xã Trà Giáp	142	7	22
42	Xã Trà Tân	140	8	21
43	Xã Trà Đốc	242	8	22
44	Xã Trà My	348	11	30
45	Xã Nam Trà My	172	8	19
46	Xã Trà Tập	193	8	19
47	Xã Trà Vân	135	7	19
48	Xã Trà Linh	162	7	19
49	Xã Trà Leng	170	7	19
50	Xã Thăng Bình	537	7	39
51	Xã Thăng An	546	7	41
52	Xã Thăng Trường	275	6	22
53	Xã Thăng Điện	396	7	31
54	Xã Thăng Phú	169	6	18
55	Xã Đồng Dương	228	6	25
56	Xã Quế Sơn Trung	365	11	31
57	Xã Quế Sơn	353	13	33
58	Xã Xuân Phú	331	11	35
59	Xã Nông Sơn	227	12	35

60	Xã Quế Phước	190	10	32
61	Xã Duy Nghĩa	324	9	28
62	Xã Nam Phước	505	10	45
63	Xã Duy Xuyên	318	9	29
64	Xã Thu Bồn	356	10	39
65	Xã Điện Bàn Tây	404	8	35
66	Xã Gò Nổi	246	9	23
67	Xã Tân Hiệp	33	4	7
68	Xã Đại Lộc	653	6	53
69	Xã Hà Nha	372	6	45
70	Xã Thượng Đức	237	5	29
71	Xã Vu Gia	286	6	29
72	Xã Phú Thuận	276	6	33
73	Xã Thạnh Mỹ	175	5	15
74	Xã Bến Giằng	173	5	26
75	Xã Nam Giang	115	5	16
76	Xã Đắc Pring	76	5	16
77	Xã La Dêê	66	5	16
78	Xã La Êê	61	5	16
79	Xã Sông Vàng	128	7	19
80	Xã Sông Kôn	169	8	29
81	Xã Đông Giang	209	10	35
82	Xã Bến Hiên	106	7	19
83	Xã Avương	125	12	21
84	Xã Tây Giang	238	13	36
85	Xã Hùng Sơn	176	13	38
86	Xã Hiệp Đức	229	11	26
87	Xã Việt An	289	9	36
88	Xã Phước Trà	177	8	27
89	Xã Khâm Đức	166	19	20
90	Xã Phước Năng	147	5	26
91	Xã Phước Chánh	98	4	18

92	Xã Phước Thành	107	4	23
93	Xã Phước Hiệp	93	5	20
94	Đặc khu Hoàng Sa	0	11	0
C	Chỉ tiêu biên chế thu hồi từ số nghỉ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và thực hiện tinh giản theo lộ trình của Trung ương	34		

34



Phụ lục II

SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM CƠ SỞ CẤP KINH PHÍ TẠI CÁC HỘI NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 68 /NQ-HĐND ngày 06 tháng 10 năm 2026 của HĐND thành phố)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng chỉ tiêu số lượng người làm cơ sở cấp kinh phí	Chỉ tiêu chính thức được sử dụng
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)
1.	Liên Hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật thành phố Đà Nẵng	22	21
2.	Liên Hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật thành phố Đà Nẵng	22	21
3.	Liên Hiệp các Tổ chức hữu nghị thành phố Đà Nẵng	20	17
4.	Liên minh Hợp tác xã thành phố Đà Nẵng	25	18
5.	Hội Chữ thập đỏ thành phố Đà Nẵng	23	16
6.	Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin thành phố Đà Nẵng	12	12
7.	Hội Khuyến học thành phố Đà Nẵng	4	4
8.	Hội Từ thiện và Bảo vệ quyền trẻ em thành phố Đà Nẵng	4	4
9.	Hội Người cao tuổi thành phố Đà Nẵng	4	4
10.	Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Trẻ mồ côi và Bệnh nhân nghèo thành phố Đà Nẵng	4	4
11.	Hội Người mù thành phố Đà Nẵng	9	7
12.	Hội Luật gia thành phố Đà Nẵng	4	4
13.	Hội Từ yêu nước thành phố Đà Nẵng	5	5
14.	Hội Nhà báo thành phố Đà Nẵng	9	9
15.	Hội Đông y thành phố Đà Nẵng	7	6
16.	Hội Cựu Thanh niên xung phong thành phố Đà Nẵng	4	4
	Tổng	178	156

Ghi chú: Số giao này không bao gồm số lượng Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đã nghỉ hưu tham gia chuyên trách tại Hội